TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21-04-2022
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phước Thị Kim Huê

Bà Ngô Thị oanh Kiều

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Kim Thị Mỹ Dung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh *tham gia phiên tòa*: Ông Trầm Văn Mừng – Kiểm sát viên (vắng mặt).

Ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/4/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Kim Thị Hồng H, sinh ngày 01/9/1992. Địa chỉ: khóm 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt - có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

- Bị đơn: Ông Ngô Thành T, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp X, xã K, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt - có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/02/2022 và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Kim Thị Hồng H trình bày: Vào năm 2017, do mai mối nên bà và ông Ngô Thành T tự nguyện tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/7/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống bên cha mẹ chồng tại ấp X, xã K, huyện T, tỉnh Trà Vinh, nhưng do mai mối nên cuộc sống vợ

chồng không trọn vẹn, vợ chồng luôn có nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, tình cảm rạn nứt. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ngô Thành T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 18/02/2022 bị đơn ông Ngô Thành T trình bày: Ông thống nhất với phần trình bày của bà H về thời gian đăng ký kết hôn, thời gian sống chung, vợ chồng không con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng, vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đến ngày 01 tết Nguyên Đán năm 2022 thì bà H bỏ về nhà cha mẹ ruột từ đó đến nay, không bên nào tạo điều kiện hàn gắn. Nay bà H yêu cầu được ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn vì nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, nếu hàn gắn lại cũng không hạnh phúc.

Tại biên bản xác minh bà Ngô Thị Đ là bà ngoại ruột của ông Ngô Thành T ngày 18/02/2022 cho biết: vợ chồng các cháu trong quá trình chung sống thường có mâu thuẫn, bất đồng, bên cạnh đó giữa mẹ chồng và con dâu đôi lúc cũng không hợp về quan điểm sống, khi gia đình có mâu thuẫn thì cháu H bỏ về nhà cha mẹ ruột, gia đình có động viên các cháu đoàn tụ nhưng không có kết quả, mỗi người có một quan điểm sống khác nhau, do đó bà nghĩ tình trạng này kéo dài thì cũng không hạnh phúc, gia đình có động viên nhưng không có kết quả nên mọi việc do các cháu quyết định.

Biên bản xác minh ông Kim V là cha ruột của bà Kim Thị Hồng H ngày 17/3/2022 cho biết: sau khi kết hôn vợ chồng các con sống bên gia đình chồng, vợ chồng các con chung sống đã gần 05 năm nhưng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, con rể không quan tâm chăm sóc vợ, mạnh ai nấy sống, từ khi làm rễ đến nay cũng ít qua lại thăm cha mẹ vợ, vài tháng trở lại đây thì mâu thuẫn vợ chồng các con trở nên trầm trọng hơn, nên Kim Thị Hồng H đã bỏ về nhà tôi sống, tôi cũng có khuyên nhưng con không chịu về bên chồng, gia đình chồng cũng không đến khuyên ngăn để các con hàn gắn, nên tôi nghĩ vợ, chồng các con khó đoàn tụ lại được vì đây là lần thứ hai con tôi bỏ về nhà cha mẹ ruột, lần đầu cách nay khoảng 04 - 05 tháng trước.

Kiểm sát viên vắng mặt tại phiên tòa nhưng có gửi bài phát biểu ý kiến thể hiện quan điểm của viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án xét xử vắng mặt

nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà Kim Thị Hồng H và ông Ngô Thành T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của bà Kim Thị Hồng H và ông Ngô Thành T là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng luôn có nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, tình cảm rạn nứt. Bà Kim Thị Hồng H cương quyết ly hôn, do hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, từ đó yêu cầu ly hôn của bà Kim Thị Hồng H là có cơ sở chấp nhận. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có và không yêu cầu nên không xem xét. Từ đó, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị Hồng H.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục xét xử vắng mặt tất cả các đương sự: Nguyên đơn bà Kim Thị Hồng H và bị đơn ông Ngô Thành T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông T theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Kim Thị Hồng H và ông Ngô Thành T xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 22/12/2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của bà H và ông T là hợp pháp. Sau kết hôn, bà H và ông T sống chung bên cha mẹ ruột của ông T tại ấp X, xã K nhưng chung sống không hạnh phúc. Đến tết Nguyên Đán năm 2022 thì bà H trở về nhà cha mẹ ruột và sống ly thân đến nay, không bên nào tạo điều kiện hàn gắn. Tại biên bản xác minh ngày 18/02/2022 đối với bà Ngô Thị Đ là bà ngoại ruột của ông T thể hiện, quá trình chung sống vợ chồng bà H và ông T thường có mâu thuẫn, bất đồng, tình trạng này nếu kéo dài cũng không hạnh phúc, gia đình có động viên nhưng không có kết quả nên mọi việc do các cháu quyết định, biên bản xác minh ngày 17/3/2022 đối với ông Kim V là cha ruột của bà Kim Thị Hồng H xác nhận có biết việc vợ chồng bà H, ông T sống chung không hạnh phúc do mỗi lần về thăm nhà bà H có kể cho ông nghe, và đây là lần thứ hai H bỏ về nhà, theo ông Kim V thì khả năng đoàn tụ của vợ chồng bà H và ông T là rất khó. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có thông báo cho ông T biết về việc khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên ông T không đến Tòa án tham gia tố tụng và có đơn xin xét xử vắng mặt có nội dung đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ly thân từ tết Nguyên Đán năm 2022 đến nay, không bên nào tạo điều kiện hàn gắn, chứng tỏ đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt

được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các bên đều xác nhận không có và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 177, 232, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị Hồng H về việc yêu cầu ly hôn đối với ông Ngô Thành T.

Cho bà Kim Thị Hồng H được ly hôn với ông Ngô Thành T.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

3. Về án phí: Bà Kim Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007691 ngày 07/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú. Bị đơn ông Ngô Thành T không phải chịu án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Kim Thị Hồng H, bị đơn ông Ngô Thành T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trà Cú;
- CCTHADS huyện Trà Cú;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- UBND thị trấn T, huyện Trà Cú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Phúc